

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **311/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2020

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Quách Thị H và Anh Trương Văn T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.
2. Bà Lý Thị Nhân.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/8/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Quách Thị H, sinh năm: 1986;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 01, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1984;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Địa chỉ: Tổ 01, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Hiền có mặt tại phiên tòa;

anh Thọ có mặt tại phiên tòa, đến gần cuối của phần tranh tụng anh Thọ bỏ về)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa Chị Quách Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trương Văn T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định ngày 09/12/2004 tại

UBND xã L, thị xã Q (nay là phường L, thành phố Q). Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại phường L, thành phố Q, có nhà ở riêng trên đất của gia đình nhà anh T. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến khi chị H sinh con lớn được 07 tháng tuổi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T ham chơi, cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với vợ con. Trước đây, chị đã có 01 lần nộp đơn ly hôn, nhưng anh T có hứa sửa chữa, gia đình hai bên khuyên can nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh T không sửa đổi vẫn tiếp tục cờ bạc, chơi bời, rượu chè; gần đây anh T còn nảy sinh thói ghen tuông vô cớ về nhà hay chửi bới và có lần đánh đập chị. Do đó, chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và Anh Trương Văn T.

Đồng thời, tại phiên tòa chị H cũng xác nhận, có 03 lần Tòa án triệu tập đến làm việc, nhưng trong quá trình làm việc anh T không có thái độ tích cực, luôn bỏ về giữa chừng. Khi Tòa án ra quyết định xét xử có giao trực tiếp cho bố đẻ anh T, chị cũng báo cho anh T biết ngày xét xử, bố đẻ anh T cũng báo cho anh T. Nhưng anh T cố ý không về để gây khó khăn cho chị; anh T hiện đi làm thuê xây dựng ở Hà Nội, nhưng chị vẫn ở nhà trên đất của gia đình chồng để trông nom, nuôi dưỡng các con. Nên chị khẳng định việc Tòa án giao giấy tờ và lịch làm việc anh T có biết, có được thông báo nhưng là anh T cố ý không về.

Về con chung: Chị Quách Thị H xác định chị và anh Thọ có 02 con chung, cháu Trương Hồng L, sinh ngày 19/7/2005; cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23/10/2012. Cháu L hiện đang học tại Trường THCS Ý La; cháu N hiện đang học Trường tiểu học Ý La. Cháu L chưa đủ tuổi trưởng thành, cũng đã tự lo được cho bản thân những sinh hoạt tối thiểu; cháu N hiện còn bé, cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Nên khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Ngọc N; anh Thọ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Hồng L. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Quách Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về phần tài sản, đất đai chung; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 12/5/2020 Anh Trương Văn T đến Tòa án để làm việc, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T; tại phiên tòa anh T có mặt trình bày ý kiến về các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung và vay nợ chung giữa anh và chị H; đến gần hết phần tranh tụng anh T bỏ về.

Anh Trương Văn T khai trong bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Anh và Chị Quách Thị H có quan hệ vợ chồng, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại tổ 1, phường L, thành phố Q. Cuộc sống chung vợ chồng

không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, vì anh ghen tuông, thấy chị H hay nhắn tin điện thoại cho người khác, anh bức xúc nên vợ chồng cãi chửi nhau. Trước đây, chị H có nộp đơn xin ly hôn một lần, lúc đó vì anh chơi bời nên vợ chồng mâu thuẫn, anh đã xin lỗi chị H và gia đình, chị H đã rút đơn. Từ đầu năm 2020 đến nay mâu thuẫn của vợ chồng càng tăng, chị H đi thuê nhà ở nơi khác sau đó khi anh đi làm ăn ở Hà Nội thì chị H quay về nhà ở để trông con, nhưng từ khi mâu thuẫn gần đây vợ chồng sống ly thân. Anh không muốn ly hôn vì không muốn các con phải khổ, anh muốn chị H suy nghĩ lại, vợ chồng ở với nhau vì con.

Anh và chị H có 02 con chung, cháu Trương Hồng L, sinh ngày 19/7/2005; cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23/10/2012. Cả hai con hiện đang ở nhà với anh, nếu chị H nhất quyết đòi ly hôn anh muốn nuôi cả hai con chung của anh và chị H là cháu L và cháu N, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cả anh và chị H hiện nay đều đang là lao động tự do, điều kiện như nhau, nhưng anh không muốn các con không được sống cùng nhau.

Tài sản chung, nếu ly hôn anh và chị H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị H không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều đến, nhưng sau khi trao đổi và làm việc anh T lại bỏ về, không ký các văn bản làm việc theo nội dung của buổi làm việc.

Qua xác minh tại địa phương, gia đình về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa Chị Quách Thị H và anh Trương Văn T thể hiện: Chị Quách Thị H và Anh Trương Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn thì cùng chung sống tại tổ 01, phường L, thành phố Q. Quá trình chị Hiền anh T chung sống vợ chồng có cãi chửi nhau dẫn đến bố mẹ hai bên phải khuyên ngăn, tổ dân phố đến hòa giải (tổ dân phố không lập biên bản). Chị H và anh T có nhà xây trên đất của bố mẹ để anh T, tài sản khác và vay nợ chung địa phương, gia đình không nắm được. Anh T và chị Hiền có 02 con chung; con chung của anh chị đều đang còn nhỏ ở chung với gia đình tại tổ 1, phường L, đang đi học.

Cháu Trương Hồng L khai nội dung: Cháu có biết việc mẹ làm đơn ly hôn với bố, nếu bố mẹ không ở với nhau thì cháu muốn ở với bố, vì nếu mẹ nuôi cả hai chị em thì mẹ sẽ khó khăn.

Cháu Trương Ngọc N khai nội dung: Cháu có biết việc mẹ xin ly hôn với bố, nếu bố mẹ ly hôn không ở với nhau thì cháu muốn được ở với mẹ, vì mẹ sẽ chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký

phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho Chị Quách Thị H được ly hôn với Anh Trương Văn T. Giao cháu Trường Hồng L, sinh ngày 19/7/2005 cho anh Thọ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; anh T chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không đề nghị xem xét giải quyết; Chị Quách Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa của Chị Quách Thị H; lời khai của Anh Trương Văn T tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị H và Anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2004. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Thọ rượu chè, không tu chí làm ăn, thiếu quan tâm vợ con, ghen tuông vô cớ. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị Quách Thị H xử cho chị Hiền được ly hôn với Anh Trương Văn T.

[2] Về con chung: Lời khai của chị H anh T và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, vợ chồng có 02 con chung, cháu Trương Hồng L, sinh ngày 19/7/2005; cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23/10/2012.

Cháu Linh và cháu Nhi đều chưa đủ 18 tuổi, đang sống phụ thuộc vào bố mẹ, do anh T chị H nuôi dưỡng. Nguyên vọng của anh T và chị H đều muốn được là người trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, anh T và chị H đều là lao động tự do, thu nhập vừa đủ trang trải cuộc sống. Cháu Trương Hồng L hiện 15 tuổi, có khả năng tự phục vụ những sinh hoạt tối thiểu của bản thân, cháu L căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của bố mẹ cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Cháu Trương Ngọc N hiện 8 tuổi, còn nhỏ, các sinh hoạt hàng ngày đều phải có người lớn hỗ trợ, cháu N đang ở độ tuổi cần nhiều sự chăm sóc của mẹ hơn. Cháu N cũng có nguyện vọng được ở với chị H.

Như vậy, giao cháu Trương Hồng L, sinh ngày 19/7/2005, là con chung của anh T chị H, cho Anh Trương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23/10/2012, là con chung của chị H anh T, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; cả hai cùng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Là phù hợp với hoàn cảnh cũng như các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Quách Thị H và Anh Trương Văn T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai; không có vay nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc Anh Trương Văn T tại phiên tòa có mặt nhưng bỏ về giữa chừng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vẫn đến Tòa án để làm việc, có điểm chỉ vào Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2020. Tại các buổi làm việc khác anh T có đến nhưng bỏ về giữa chừng, không ký các văn bản làm việc. Tại phiên tòa anh T có mặt nhưng cũng bỏ về giữa chừng. Việc anh T bỏ về giữa chừng trong các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa, là anh T tự ý từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Quách Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Quách Thị H được ly hôn với Anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Hồng L, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2005, cho Anh Trương Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Trương Ngọc N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012 cho Chị Quách Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

chị Hiền đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000314 ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Trương Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo - Lý Thị Nhân

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

